

Số: 10/BC-THS2QN

Tuần Giáo, ngày 26 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học số 2 Quài Nura.

2. Trụ sở chính

- Bản Chấn - xã Tuần Giáo - Điện Biên.

- Điện thoại: 0852450666

- Website: <https://tieuhocso2quainua.tuangiao.gov.vn/>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên xuất sắc.

4.2. Tầm nhìn

Trường Tiểu học số 2 Quài Nura là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2026, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

4.3.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng mức độ 1. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

4.3.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên: 13 đ/c trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 1 đ/c, Trình độ chuyên môn Đại học 1/1 đ/c

+ Giáo viên: 12 đ/c trong đó:

Trình độ chuyên môn Đại học: 12/12 đ/c

4.3.3. *Chất lượng học sinh:*

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%;

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;

Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

4.3.4. *Thư viện và thiết bị dạy học*

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định, và xây dựng một số tiêu chí của thư viện tiên tiến; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Tiểu học số 2 Quài Nưa được thành lập năm 1988, trên cơ sở chia tách từ trường Phổ thông cơ sở xã Quài Nưa. Trường có 01 điểm trường chính nằm tại bản Chăn - xã Tuần Giáo. Học sinh nhà trường đại đa số là con em gia đình thuần nông, hoàn cảnh còn nhiều khó khăn.

Trong những năm học gần đây, nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo, kêu gọi sự ủng hộ của phụ huynh học sinh, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để tu sửa, tôn tạo cảnh quan trường lớp thêm khang trang, sạch đẹp.

Cùng với việc đầu tư về cơ sở vật chất, nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt là công tác giáo dục mũi nhọn.

Từ năm 1988 đến nay nhà trường duy trì và phát huy các thành tích, luôn là lá cờ đầu về các phong trào thi đua của huyện Tuần Giáo. Chi bộ nhà trường nhiều năm liền được công nhận Chi bộ trong sạch vững mạnh, được Đảng bộ xã tặng giấy khen. Tổ chức Công đoàn, Liên đội nhà trường được nhận nhiều giấy khen của các cấp. Nhà trường làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ, chính vì vậy, đội ngũ giáo viên của trường ngày càng vững mạnh, có nhiều giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện và cấp tỉnh và luôn được phụ huynh học sinh tin yêu, đặt trọn niềm tin.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Lan
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Bản Chăn - Tuần Giáo - Điện Biên
- Số điện thoại: 0388325701
- Gmail: ngocmailan.1970@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

QĐ số 544/QĐ-UB ngày 7 tháng 9 năm 1988 của UBND huyện Tuần

Giáo. Quyết định về việc tách và thành lập trường Tiểu học số 2 Quài Nưa.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường

QĐ số 1896/QĐ-UBND, ngày 22/12/2023 của UBND huyện Tuần Giáo về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường các trường Tiểu học, TH&THCS, THCS nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
	Nguyễn Thị Lan	CTHĐT- Hiệu trưởng	
	Nguyễn Thị Thu	Thư ký- Giáo viên	
	Lò Thị Tương	Thành viên- CTCD	
	Nùng Thị Hằng	Thành viên- Bí thư chi đoàn	
	Nguyễn Thị Hằng	Thành viên- TTCM	
	Lò Văn Sinh	Thành viên- TTCM	
	Lò Thị Tại	Thành viên- TTTVP	
	Lường Văn Thân	Thành viên- PCTUBND xã	
	Quàng Văn Chung	Thành viên- TBĐDCMHS	

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số 1039/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 Quyết định về việc bổ nhiệm lại bà Nguyễn Thị Lan giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học số 2 Quài Nưa.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo

chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 13 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Công đoàn có 16 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 185 đội viên và nhi đồng

+ Ban đại diện CMHS trường gồm 03 thành viên..

+ Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn.

đ) Quyết định số 544/QĐ-UB ngày 7 tháng 9 năm 1988 của UBND huyện Tuần Giáo. Quyết định về việc tách và thành lập trường Tiểu học số 2 Quài Nưa.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Lan	Hiệu trưởng	0388325701	ngocmailan.1970@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển nhà trường.

- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào

tạo: Tổng số 16 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	4	
2	Giáo viên TH hạng III	8	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thư viện, Thiết bị	01	
2	Vị trí việc làm Y tế trường học	01	
3	Vị trí việc làm Kế toán	0	
4	Vị trí việc làm văn thư	0	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	01	
2	Nhân viên phục vụ	0	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính diện tích là 9412.2 m²/186 học sinh, trung bình đạt 50.9 m²/học sinh

Đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVN đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: phòng Tin học, phòng Tiếng Anh, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thông và hoạt động Đội. Các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo kích thước, diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Phòng Tin học có 01 phòng, tổng số 25 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính- quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và tivi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất

lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

Hàng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Tham mưu với Ban lãnh đạo UBND xã đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

Sách Pháp luật gồm có 15 bản, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 140 bản.

Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

*** Đánh giá theo từng tiêu chí**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường				
Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường		x	x	
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác		x	x	-
Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường		x	x	x
Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, PHT tổ CM và tổ VP	x			
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học		x	x	-
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và TS		x	x	
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, GV và nhân viên		x	x	-
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục		x	x	-
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở		x	x	-
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học		x	x	-
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, NV				
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng		x	x	x
Tiêu chí 2.2: Đối với GV	x			
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên		x	x	
Tiêu chí 2.4: Đối với HS		x	x	
Tiêu chuẩn 3: CSVC và thiết bị dạy học				
Tiêu chí 3.1. Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định		x	x	
Tiêu chí 3.2. Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 đối với trường tiểu học theo quy định của BGDĐT	x			
Tiêu chí 3.3. Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo quy định tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 đối với trường tiểu học theo quy định của BGDĐT		x	x	
Tiêu chí 3.4. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước		x	x	-
Tiêu chí 3.5. Thiết bị		x	x	
Tiêu chí 3.6. Thư viện	x			
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, GD và XH				
Tiêu chí 4.1: Ban ĐDCMHS		x	x	

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.		x	x	
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục NGLL và kết quả giáo dục				
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường		x	x	-
Tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình PT cấp học		x	x	
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục NGLL khác		x	x	
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học		x	x	x
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục NGLL		x	x	x

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có tổng số 199 học sinh, số học sinh nữ là 86 em chiếm 43,2%. Có 8 lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 24.9 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 99.5% số học sinh toàn trường, Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 199/199 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 9 học sinh khuyết tật học hòa nhập (3 học sinh có đánh giá, 6 học sinh không đánh giá).

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

Tổng số học sinh tham gia đánh giá: 193 học sinh

- Về học tập

Khối	TSHS	Mức đánh giá							
		HTXS		HTT		HT		CHT	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	34	10	29.4	11	32.4	13	38.2	0	0
2	39	13	33.3	14	35.9	12	30.8	0	0
3	43	14	32.6	13	30.2	16	37.2	0	0
4	41	8	19.5	13	31.7	20	48.8	0	0
5	36	6	16.7	8	22.2	22	61.1	0	0

- Về Phẩm chất, năng lực: 100% học sinh được đánh giá từ mức đạt trở lên.

- Khen thưởng học sinh cuối năm:

Khen thưởng học sinh xuất sắc: $51/193 = 26.4\%$

Khen thưởng học sinh có thành tích tiêu biểu: $59/193 = 30.6\%$

Phong trào hoạt động của đội TNTPHCM: Tổ chức nhiều các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ, tham gia nhiều các cuộc thi: 16 bài viết thư quốc tế UPU được gửi dự thi;

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 38/38 đạt 100%

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

Quyết toán chi ngân sách:

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm: 5.088.016.144 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 5.065.516.144 đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm: 22.500.000 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm: 5.088.016.144 đồng

- Kinh phí quyết toán: 4.977.582.564 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 110.433.580 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

- Kinh phí nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 -2025: 0 đồng

- Kinh phí quyết toán nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 - 2025: 0 đồng;

- Kinh phí nhận nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024 -2025: 14.100.000 đồng

- Kinh phí quyết toán nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024 -2025: 14.100.000 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 37 đội viên mới trong năm học.

- HS tham gia vẽ tranh chủ đề: “chiếc ô tô mơ ước”, ...

- Tổ chức sinh hoạt tập thể với chủ đề “An toàn giao thông”

- Tham gia vẽ tranh “Biết ơn thầy cô giáo”.

- HS tích cực tham gia viết thư Quốc tế UPU lần thứ 54.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, dịch bệnh; tự chăm sóc bản thân.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.
- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác xã hội hóa giáo dục.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh

Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.

- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 13 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

7. Đầu tư cơ sở vật chất

Nhà trường thường xuyên rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền đầu tư tu sửa cơ sở vật chất những hạng mục công trình xuống cấp.

8. Công tác quản lý

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lý CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên giáo viên kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL ngành đảm bảo tiến độ.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hằng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của trường Tiểu học số 2 Quài Nưa theo phụ lục 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2024)./.

Nơi nhận:

Phòng VH-XH;
Website trường;
Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lan